

**ĐẢNG ỦY XÃ PHÚ TÂN
BAN CHỈ ĐẠO CỦA XÃ VỀ ĐỘT
PHÁ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC,
CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG
TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Phú Tân, ngày 02 tháng 10 năm 2026

*

Số 10-BC/BCĐ

BÁO CÁO
kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW
của Bộ Chính trị 9 tháng đầu năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 61-KH/TU ngày 13/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 và các văn bản chỉ đạo của tỉnh, của Đảng ủy xã, Ban Chỉ đạo của xã về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*sau đây gọi là Ban Chỉ đạo*) báo cáo kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Phú Tân 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

I- CÔNG TÁC LÃNH, CHỈ ĐẠO

1. Về tổ chức quán triệt, tuyên truyền

Ban Chỉ đạo đã tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động số 44-KH/TU, ngày 08/01/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chương trình hành động số 97-CTr/TU, ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*nay là Chương trình số 11-CTr/TU, ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh*) thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và lồng ghép nội dung về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các hội nghị, cuộc họp, sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt chuyên đề và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả, đã tổ chức 28 cuộc, với 590 lượt đảng viên tham dự; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức 80 cuộc, với hơn 5.600 lượt đoàn viên, hội viên tham dự. Nội dung quán triệt tập trung làm rõ vai trò, ý nghĩa của Nghị quyết số 57-NQ/TW, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu và từng cán bộ, đảng viên trong tổ chức thực hiện, đồng thời gắn các nhiệm vụ chuyển đổi số với yêu cầu thực tiễn của xã.

Cùng với công tác quán triệt trong hệ thống chính trị, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và kỹ năng số trong Nhân dân được quan tâm thực hiện thường xuyên, với nhiều hình thức phù hợp như thông qua hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử của xã, mạng xã hội, nhóm Zalo cộng đồng, các cuộc họp dân, sinh hoạt chi, tổ, hội và hướng dẫn trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. Đồng thời, Ban Chỉ đạo phối hợp với các chi bộ, Trưởng ấp, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và 12 Tổ Công nghệ số cộng đồng để tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng, tiện ích số. Nội dung tuyên truyền tập trung vào dịch vụ công trực tuyến, sử dụng VNeID, thanh toán không dùng tiền mặt, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin, nhận diện và phòng tránh lừa đảo trên môi trường mạng, sử dụng trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm và tham gia các khóa học trên Nền tảng “Bình dân học vụ số”.

Công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc và cập nhật kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW được duy trì thường xuyên, thực hiện nghiêm việc cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ trên Hệ thống theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, bảo đảm 100% báo cáo được cập nhật, hoàn thành đúng tiến độ, qua đó phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện.

2. Công tác cụ thể hóa, ban hành văn bản

Ban Chỉ đạo và UBND xã đã chủ động cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và các chủ trương, định hướng của Trung ương, của tỉnh thành các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo và nhiệm vụ cụ thể, bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của cấp xã; đồng thời phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành và sản phẩm đầu ra. Kết quả cụ thể:

Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành Kế hoạch số 37-KH/ĐU, ngày 21/01/2026 triển khai thực hiện Chương trình số 11-CTr/TU, ngày 11/12/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW (*thay thế Kế hoạch số 05-KH/ĐU, ngày 15/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy*); Quyết định số 308-QĐ/ĐU, ngày 24/7/2026 kiện toàn Ban Chỉ đạo của xã về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (*thay thế Quyết định số 96-QĐ/ĐU, ngày 31/7/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy*); Ban Chỉ đạo chuyển đổi số đã ban hành Quyết định số 03-QĐ/BCĐ, ngày 24/7/2026 của Ban Chỉ đạo về kiện toàn Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Ban Chỉ đạo chuyển đổi số (*thay thế Quyết định số 01-QĐ/BCĐ, ngày 31/7/2025 của Ban Chỉ đạo*); Ban hành Quy chế 02-QĐ/BCĐ, ngày 31/7/2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã; Ban Chỉ đạo xã ban hành Thông báo số 03-TB/BCĐ, ngày 31/7/2025 về phân công nhiệm vụ Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Hiện đang dự thảo văn bản

phân công nhiệm vụ thay thế Thông báo số 03-TB/BCĐ để phù hợp với việc kiện toàn Ban chỉ đạo.

Thực hiện yêu cầu xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, Ban Chỉ đạo xã đã ban hành Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 24/7/2026 về triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn xã; đồng thời, ban hành phụ lục phân công cụ thể nhiệm vụ, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, sản phẩm đầu ra và thời hạn hoàn thành.

Nội dung tập trung vào các nhóm nhiệm vụ về kỷ luật thực thi, chỉ đạo điều hành, hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, an toàn thông tin và nguồn nhân lực số,...; đồng thời, để tiếp tục cụ thể hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW vào chương trình, kế hoạch công tác trên địa bàn xã, Ban Chỉ đạo phối hợp với UBND xã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 59/KH-UBND, ngày 17/3/2026 về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW năm 2026 và Kế hoạch số 124/KH-UBND, ngày 22/5/2026 về chuyển đổi số xã Phú Tân giai đoạn 2026-2030. Qua đó, các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được lồng ghép, cụ thể hóa trong chương trình công tác của từng cơ quan, đơn vị, từng lĩnh vực và gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện

Tổng số nhiệm vụ được giao thực hiện trong hệ thống chính trị xã là 92 nhiệm vụ, trong đó:

- Đảng ủy xã đã hoàn thành 18/18 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 100%.
- Hội đồng nhân dân xã hoàn thành 17/17 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 100%.
- Ủy ban nhân dân xã hoàn thành 34/34 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 100%.
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã hoàn thành 23/23 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 100%, thể hiện vai trò tích cực trong giám sát, phản biện, nắm bắt ý kiến nhân dân, đồng thuận xã hội trong triển khai Nghị quyết 57. Toàn hệ thống chính trị xã đã hoàn thành 92/92 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 100%.

2. Chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) và dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

Công tác cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số tiếp tục được xã quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện, từng bước chuyển mạnh phương thức tiếp nhận, giải quyết TTHC từ trực tiếp sang môi trường điện tử, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được duy trì hoạt động ổn định; hạ tầng mạng, đường truyền Internet, trang thiết bị và các hệ

thống phần mềm phục vụ tiếp nhận, giải quyết TTHC cơ bản đáp ứng yêu cầu xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử. Hiện xã có 426 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, trong đó 122 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và 304 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần. Đến ngày 21/9/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận 3.614 hồ sơ, trong đó 3.604 hồ sơ trực tuyến, đạt tỷ lệ 99,72%, và 10 hồ sơ trực tiếp. 100% hồ sơ được số hóa; 100% thủ tục hành chính phát sinh nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến.

Thực hiện công khai đầy đủ các TTHC thuộc thẩm quyền trên Cổng Dịch vụ công; việc tiếp nhận, xử lý, theo dõi và trả kết quả được thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, bảo đảm công khai, minh bạch, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp trong nộp hồ sơ, tra cứu và theo dõi tình trạng giải quyết. Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa đầy đủ, cập nhật, lưu trữ và khai thác, tái sử dụng theo quy định, góp phần rút ngắn thời gian xử lý, hạn chế yêu cầu người dân cung cấp lại thông tin, giấy tờ đã có trên hệ thống, nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác dữ liệu. Thường xuyên rà soát TTHC trên cơ sở dữ liệu của hệ thống, kết quả giải quyết hồ sơ và phản ánh, kiến nghị của người dân để kịp thời phát hiện, xử lý những khó khăn, bất cập; đồng thời, tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết TTHC và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục duy trì hiệu quả mô hình “Ngày thứ bảy vì dân phục vụ”, hỗ trợ người dân thực hiện DVCTT tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên địa bàn dân cư. Phát huy vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng, bố trí thành viên hỗ trợ hằng ngày tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, Cổng Dịch vụ công và các nền tảng số, thực hiện DVCTT, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp cận các dịch vụ tài chính số; đồng thời tuyên truyền, hướng dẫn tham gia Phong trào “Bình dân học vụ số”, nâng cao kỹ năng số, ý thức bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng ngừa lừa đảo trên không gian mạng.

3. Về hạ tầng số, nền tảng số và ứng dụng công nghệ

Hệ thống mạng tại 02 trụ sở của Đảng ủy và UBND xã được duy trì ổn định, đảm bảo kết nối an toàn với hạ tầng mạng truyền số liệu dùng chung của tỉnh. Mạng Internet tại Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ Việt Nam xã được hợp đồng 02 nhà mạng cung cấp VNPT và VETTEL; tốc độ kết nối bảo đảm theo hướng dẫn của Văn phòng Tỉnh ủy; Hệ thống mạng Wifi được phủ sóng toàn bộ cơ quan, đơn vị bảo đảm phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo và giải quyết công việc của cán bộ, công chức tại 02 trụ sở của xã.

Chủ động rà soát, đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị máy móc để kịp thời đề xuất bổ sung trang thiết bị thiết yếu (máy tính, máy

scan, máy in...) nhằm đảm bảo điều kiện cơ bản đáp ứng công việc thường xuyên của cán bộ, công chức. Việc rà soát, đề xuất nâng cấp trang thiết bị đầu cuối cũng được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số của Ban Chỉ đạo xã.

Việc quản lý, khai thác và sử dụng chứng thư số, chữ ký số cá nhân tiếp tục được duy trì thường xuyên, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý văn bản, hồ sơ công việc và thực hiện các giao dịch hành chính trên môi trường điện tử. Đến nay đã đề nghị cấp 73 chữ ký số và chứng thư số, trong đó khối Đảng; Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và các tổ chức chính trị xã hội được cấp 19 chữ ký số; khối HĐND, UBND và các phòng, ban chuyên môn được cấp 54 chữ ký số. Việc sử dụng chữ ký số từng bước đi vào nền nếp, góp phần giảm văn bản giấy, rút ngắn thời gian xử lý, tăng tính minh bạch và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện chuyển đổi số.

Xã tiếp tục khai thác, sử dụng hiệu quả các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc trên môi trường điện tử. Trong đó, khối Đảng sử dụng Hệ thống điều hành tác nghiệp; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã sử dụng Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; khối chính quyền sử dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Hệ thống thông tin báo cáo và các nền tảng số dùng chung của tỉnh. Việc trao đổi, xử lý văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số, tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trên môi trường mạng, khai thác dữ liệu và tổ chức họp trực tuyến được duy trì thường xuyên, từng bước nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Đối với Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, việc xử lý văn bản điện tử tiếp tục được thực hiện nghiêm túc; đến nay, 85,58% văn bản hành chính (*trừ văn bản tuyệt mật, tối mật, mật theo từng ngành, khối quy định*) được trao đổi dưới dạng điện tử và 99,81% văn bản được ký số đúng quy trình. Kết quả này góp phần giảm sử dụng văn bản giấy, rút ngắn thời gian luân chuyển, xử lý công việc, đồng thời nâng cao tính công khai, minh bạch, an toàn và khả năng kiểm soát tiến độ giải quyết công việc.

Bên cạnh đó, thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và khai thác các nền tảng, công cụ số mới, từng bước nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ, trong đó chú trọng khai thác trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ xử lý công việc, nâng cao năng suất và chất lượng tham mưu, phục vụ trong cơ quan, đơn vị.

Về số hóa dữ liệu đất đai, xã đã quan tâm triển khai rà soát, cập nhật và số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước. Đến nay, đã số hóa 5.810/6.527 dữ liệu đất đai, đạt tỷ lệ 89,01%, góp phần từng bước hình thành, hoàn thiện cơ sở dữ

liệu đất đai trên môi trường số, phục vụ công tác quản lý, tra cứu và khai thác thông tin. Thời gian tới, tiếp tục rà soát, chuẩn hóa và hoàn thiện số dữ liệu còn lại, bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác và có khả năng khai thác, sử dụng hiệu quả.

Đảng ủy xã từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; tăng cường sử dụng các hệ thống, phần mềm dùng chung, trao đổi và xử lý văn bản trên môi trường điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp, theo dõi tiến độ và thực hiện nhiệm vụ trong toàn Đảng bộ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác đảng tiếp tục được đẩy mạnh; triển khai hiệu quả phần mềm Cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0, đồng thời thực hiện cập nhật, làm sạch, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu đảng viên để phục vụ triển khai phiên bản 4.0 bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác. Việc sử dụng ứng dụng “Sổ tay đảng viên điện tử” có 558/598 đảng viên đủ điều kiện sử dụng đã cài đặt và sử dụng (đã loại trừ đảng viên miễn công tác sinh hoạt, kết nạp mới), đạt tỷ lệ 93,31%; có 100% chi bộ triển khai sử dụng trong sinh hoạt thường kỳ tháng tháng. Triển khai thực hiện số hóa hồ sơ đảng viên trong toàn đảng bộ xã, đến nay đã lập danh mục hồ sơ số hoá 420/677 hồ sơ, đạt 62,04%. Trong đó: Đã scan 164 hồ sơ; cập nhật lên cơ sở dữ liệu 4.0 là 60 hồ sơ.

4. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

Tiếp tục triển khai hiệu quả Phong trào “Bình dân học vụ số”, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng nhằm phổ cập kiến thức, kỹ năng số, hình thành thói quen sử dụng công nghệ và các nền tảng số trong Nhân dân. Xã phát huy vai trò của 12 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 63 thành viên trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và khai thác các tiện ích số. Theo số liệu thống kê, hiện trên địa bàn xã có 2.338 hộ triển khai ứng dụng iCà Mau, 3.343 hộ triển khai tài khoản dịch vụ công trực tuyến, 642 hộ có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử, 4.469 hộ có tài khoản thanh toán điện tử và 845 hộ có tài khoản, tham gia “Bình dân học vụ số”. Kết quả cho thấy hoạt động của các Tổ Công nghệ số cộng đồng từng bước chuyển từ tuyên truyền, hướng dẫn sang hỗ trợ người dân ứng dụng các nền tảng số vào giải quyết thủ tục hành chính, giao dịch, thanh toán và đời sống hằng ngày.

Gắn phát triển xã hội số với nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân, xã tiếp tục tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng các nền tảng số trong học tập, trao đổi thông tin, giao dịch điện tử và các hoạt động thiết yếu của đời sống; chú trọng nâng cao nhận thức về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và phòng ngừa lừa đảo trên không gian mạng. Qua đó, từng bước hình thành thói quen sử dụng các dịch vụ số, nâng cao kỹ năng số và khả năng tự bảo vệ của người dân trong môi trường mạng.

Về phát triển kinh tế số, xã tập trung tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích sử dụng thương mại điện tử, mạng xã hội, thanh toán không dùng tiền mặt và các phương thức quảng bá phù hợp. Đối với lĩnh vực nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và phát triển sản phẩm đặc trưng, xã từng bước gắn khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với nâng cao hiệu quả sản xuất. Trong năm 2026, xã đã xây dựng hồ sơ đề xuất dự án “Nuôi sò huyết thương phẩm trong vùng nuôi tôm sú quảng canh tạo nguyên liệu cho sản phẩm sò huyết”, được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 05/7/2026. Hiện xã tiếp tục hoàn chỉnh các quy trình liên quan để tổ chức thực hiện; đồng thời đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về xây dựng mô hình nuôi cua thương phẩm quảng canh 02 giai đoạn kết hợp nuôi tôm sú gia hóa (MOANA) theo hướng sinh thái, góp phần đa dạng hóa đối tượng nuôi, nâng cao hiệu quả sử dụng diện tích và phát triển kinh tế thủy sản theo hướng bền vững.

Công tác quảng bá, kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc và tiêu thụ sản phẩm bước đầu được quan tâm. Xã đã đề xuất 01 sản phẩm “Cá đù một nắng” của Hộ kinh doanh Võ Thị Lệ Huyền, ấp Mỹ Bình tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026-2030; đồng thời phối hợp khảo sát nguồn cung, nhu cầu công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức trên địa bàn. Qua đó, từng bước hỗ trợ các chủ thể sản xuất, kinh doanh tiếp cận phương thức quảng bá sản phẩm trên môi trường số, truy xuất nguồn gốc, kết nối thị trường và thương mại điện tử, tạo tiền đề nâng cao giá trị, sức cạnh tranh và khả năng tiêu thụ sản phẩm địa phương.

Nhìn chung, phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn xã từng bước đi vào thực chất, gắn phổ cập kỹ năng số với ứng dụng công nghệ trong sản xuất, kinh doanh và đời sống; qua đó tạo nền tảng thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội tại xã.

5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

Trong lĩnh vực giáo dục, UBND xã đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục triển khai nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số phù hợp điều kiện thực tế; 100% cơ sở giáo dục thực hiện cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu ngành; các trường sử dụng phần mềm quản lý nhà trường, học sinh, nhân sự, tài chính và phần mềm chuyên môn theo hướng dẫn. Các thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực giáo dục được thực hiện trên môi trường điện tử; các cơ sở giáo dục đẩy mạnh thanh toán học phí và các khoản thu bằng chuyển khoản, mã QR và phương thức điện tử. Học bạ số được triển khai theo lộ trình; việc số hóa tài liệu, phát triển thư viện điện tử và khai thác học liệu số được quan tâm.

Đội ngũ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số đạt 100%; tỷ lệ giáo viên sử dụng thành thạo máy tính đạt 100%; đã xây dựng mới 34 học liệu số. Tỷ lệ triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối cơ sở dữ liệu ngành đạt 100%; người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số đạt 100%; cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số đạt khoảng 90%; thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục đạt 85%. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện, trong đó đã tổ chức 01 cuộc kiểm tra chuyên đề.

Việc bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, ứng dụng AI, dạy học trực tuyến và phát triển năng lực số được triển khai; kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số trong giáo dục đạt 75/100 điểm, xếp loại Khá theo báo cáo chuyên ngành.

6. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

Ban Chỉ đạo xác định phát triển nguồn nhân lực số là nhiệm vụ quan trọng, có tính nền tảng trong triển khai khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tập trung nâng cao nhận thức, kỹ năng số và năng lực ứng dụng công nghệ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng nòng cốt ở cơ sở. Việc đào tạo, bồi dưỡng từng bước được gắn với yêu cầu vị trí việc làm, nhiệm vụ chuyên môn và quá trình vận hành chính quyền số.

Đối với khối UBND xã đã kiện toàn, bố trí nhân lực thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn, an ninh mạng. Theo Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 13/5/2026, UBND xã đã bố trí 01 vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, an ninh mạng thuộc Phòng Văn hóa - Xã hội. Đối với Đảng ủy xã, hiện chưa bố trí vị trí cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin chuyển đổi số. Việc tham mưu, theo dõi và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chuyển đổi số trong Đảng ủy chủ yếu được thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm, lồng ghép trong chức năng, nhiệm vụ của công chức được phân công.

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong hệ thống chính trị của xã cơ bản đáp ứng yêu cầu sử dụng các hệ thống, nền tảng số phục vụ chỉ đạo, điều hành và chuyên môn. 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sử dụng các phần mềm dùng chung, Hệ thống quản lý văn bản, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ công việc. Công tác đào tạo, bồi dưỡng được quan tâm; qua các lớp tập huấn về chuyển đổi số, cải cách hành chính, an toàn thông tin, phần mềm chuyên ngành và các hệ thống thông tin dùng chung, đã có 240 lượt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng tham gia.

Tiếp tục duy trì hoạt động của 12 Tổ công nghệ số cộng đồng với 63 Thành viên tại 12 ấp (*trước đây là 17 Tổ công nghệ số cộng đồng với 84 thành viên tại 17 ấp*). Đây là lực lượng nòng cốt trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số thiết yếu, dịch vụ công trực tuyến, VneID, thanh toán không dùng tiền mặt, đồng thời hỗ trợ phổ cập kỹ năng số, góp phần đưa các nhiệm vụ chuyển đổi số đến gần người dân. Ban Chỉ đạo chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Tổ Công nghệ số cộng đồng đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia các khóa học trên Nền tảng “Bình dân học vụ số”; đồng thời theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả, từng bước nâng cao chất lượng, hiệu quả tham gia. Kết quả có 115 lượt cán bộ, công chức, viên chức; 572 lượt người dân tham gia Phong trào “Bình dân học vụ số” trên nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia, trong đó có 22 lượt doanh nghiệp tham gia.

7. Đánh giá kết quả triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số

Thực hiện Kế hoạch số 05-KH/BCĐ ngày 15/7/2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số triển khai Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh Cà Mau, cấp xã thực hiện **18** nhiệm vụ, gồm **05** nhiệm vụ chủ trì và **13** nhiệm vụ phối hợp. Ban Chỉ đạo xã đã chủ động cụ thể hóa nhiệm vụ, xác định rõ trách nhiệm, tiến độ và sản phẩm đầu ra; đồng thời ban hành Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 24/7/2026, cụ thể hóa thành **26** nhiệm vụ, phân công rõ cơ quan, bộ phận chủ trì, phối hợp và thời hạn thực hiện, bảo đảm phương châm rõ nhiệm vụ, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ sản phẩm. Qua triển khai, công tác xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số trên địa bàn xã có chuyển biến tích cực, tập trung vào hạ tầng, thiết bị và nền tảng số; giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến; sử dụng chữ ký số, các hệ thống phục vụ quản lý, điều hành và phát triển nguồn nhân lực số.

Trong lĩnh vực y tế, UBND xã đã phối hợp, chỉ đạo triển khai Chiến dịch 90 ngày làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế. Qua rà soát, đã thực hiện làm sạch, đối soát, xác minh và chuẩn hóa 26.136/33.768 hồ sơ, đạt 77,39%, trong đó 7.632 hồ sơ được xác định cần tiếp tục bổ sung, điều chỉnh thông tin; cơ sở dữ liệu trẻ em hiện 4316/7312 trường hợp đạt 59,02%; dữ liệu tiêm chủng đạt 105/166 hồ sơ đạt 63,2%, dữ liệu bà mẹ, trẻ em và sức khỏe sinh sản đạt 425/466 hồ sơ đạt 91,2%; dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội 1097/1772 hồ sơ đạt 60,90%; dữ liệu dự phòng/HIV/AIDS 17/17 hồ sơ, người khuyết tật 37/810 hồ sơ; khám bệnh, chữa bệnh 6/6 hồ sơ và nhân lực y tế 22/22 hồ sơ; CSDL người làm công tác xã hội thực hiện 3/3 đạt 100%.

Đồng thời, UBND xã triển khai Chiến dịch 100 ngày tạo lập, cập nhật Sổ sức khỏe điện tử trên ứng dụng VNeID thông qua liên thông dữ liệu khám sức khỏe, khám sàng lọc và dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh. Đến thời điểm báo cáo, trên tổng số 33.768 người dân thuộc phạm vi quản lý, đã tạo lập 17.794 hồ sơ Sổ sức khỏe điện tử, đạt 68,08%; cập nhật thông tin sức khỏe cho 23.805 hồ sơ, đạt 70,5%; trong đó 23.805 người đã tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, đạt 70,5%. Đối với nhóm người từ 60 tuổi trở lên, đã có 3.758/4.537 người tích hợp Sổ sức khỏe điện tử trên VNeID, đạt 82%; đồng thời cập nhật hồ sơ cho 3.626/4.677 người mắc bệnh mạn tính, đạt 78%.

Bên cạnh kết quả đạt được, một số điểm nghẽn về hạ tầng, thiết bị, dữ liệu, nhân lực và nguồn lực vẫn cần tiếp tục được xử lý; một số nhiệm vụ mang tính thường xuyên hoặc phụ thuộc vào tiến độ, hướng dẫn của cấp trên. Do Kế hoạch còn thời gian thực hiện đến ngày 30/11/2026, Ban Chỉ đạo xã tiếp tục tăng cường kiểm tra, đôn đốc, rà soát tiến độ và đánh giá kết quả theo sản phẩm đầu ra, hiệu quả thực tế; tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc còn tồn tại, bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ đúng tiến độ, thực chất.

8. Vấn đề đột phá

Thực hiện chủ trương đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, Ban Chỉ đạo của xã về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xác định nâng cao nhận thức, kỹ năng số cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, đưa các nền tảng, dịch vụ và tiện ích số đến gần người dân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, có tính đột phá. Trong đó, mô hình Tổ Công nghệ số cộng đồng gắn với Phong trào “Bình dân học vụ số” được xác định là giải pháp thiết thực, phát huy vai trò của lực lượng tại cơ sở trong tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng hiệu quả các nền tảng số, dịch vụ số, góp phần thu hẹp khoảng cách số và thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn. Việc triển khai mô hình phù hợp với định hướng của Ban Chỉ đạo về tập trung xử lý các điểm nghẽn trong chuyển đổi số, nâng cao kỹ năng số và phát huy vai trò của các lực lượng tại cơ sở.

Mô hình Tổ Công nghệ số cộng đồng gắn với Phong trào “Bình dân học vụ số”

Vấn đề cần giải quyết: Một bộ phận người dân còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng và khả năng tiếp cận công nghệ số; việc sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số chưa đồng đều. Một số người cao tuổi, người hạn chế kỹ năng công nghệ cần được hướng dẫn trực tiếp theo phương thức “cầm tay chỉ việc”.

Giải pháp thực hiện: Ban Chỉ đạo xã duy trì, phát huy vai trò của 12 Tổ Công nghệ số cộng đồng, phân công phụ trách các ấp, làm lực lượng nòng cốt

tuyên truyền, phổ cập và hỗ trợ kỹ năng số cho người dân. Nội dung tập trung hướng dẫn sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ điện tử, thanh toán trực tuyến, sử dụng Internet an toàn, phòng tránh lừa đảo và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Đồng thời, gắn hoạt động của Tổ với Phong trào “Bình dân học vụ số”, vận động người dân tham gia các khóa học kỹ năng số; phát huy nhà văn hóa ấp, Trung tâm Phục vụ hành chính công và các điểm tiếp cận số làm nơi tuyên truyền, hướng dẫn, thực hành.

Kết quả: Đến tháng 9/2026, các Tổ đã hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số thiết yếu. Toàn xã có 2.338 hộ sử dụng ứng dụng iCà Mau; 3.343 hộ có tài khoản dịch vụ công trực tuyến; 642 hộ có tài khoản bán hàng trên sàn thương mại điện tử; 4.469 hộ có tài khoản thanh toán điện tử và 845 hộ tham gia “Bình dân học vụ số”. Trong đó, 572 lượt người dân tham gia trên nền tảng Bình dân học vụ số quốc gia, số còn lại tham gia trên nền tảng của tỉnh Cà Mau.

Tác động: Mô hình góp phần đưa kỹ năng số đến gần người dân, nhất là các nhóm còn hạn chế về công nghệ; từng bước hình thành thói quen sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán số và các nền tảng số trong đời sống, học tập, sản xuất, kinh doanh; góp phần nâng cao kỹ năng số, thúc đẩy hình thành công dân số và xã hội số trên địa bàn.

Khả năng nhân rộng: Mô hình phù hợp với điều kiện cơ sở, có thể nhân rộng tại cơ quan, đơn vị, trường học, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội và khu dân cư. Thời gian tới, tiếp tục phát huy lực lượng đoàn viên, hội viên, thanh niên, cán bộ, công chức và người có kỹ năng số tham gia hỗ trợ; khuyến khích hình thành các điểm tiếp cận số tại nhà văn hóa ấp, cơ quan, trường học và địa điểm phù hợp, tạo mạng lưới hỗ trợ kỹ năng số rộng khắp cộng đồng.

III. MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẸN

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến

Công tác tuyên truyền về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được triển khai thường xuyên, bằng nhiều hình thức như hội nghị, sinh hoạt chi bộ, họp dân, hệ thống truyền thanh, Trang thông tin điện tử, mạng xã hội, nhóm Zalo cộng đồng và thông qua Tổ Công nghệ số cộng đồng. Tuy nhiên, hiệu quả chuyển từ tuyên truyền, hướng dẫn sang sử dụng thường xuyên trong thực tế ở một bộ phận người dân chưa đồng đều. Một số nhóm như người cao tuổi, người ít sử dụng công nghệ, người lao động thường xuyên đi làm xa và một bộ phận người dân ở khu vực còn khó khăn về điều kiện tiếp cận công nghệ vẫn cần được hướng dẫn trực tiếp, nhiều lần mới có thể tự thực hiện các thao tác số. Nguyên nhân là do kỹ năng số của từng nhóm dân cư không đồng đều; hệ thống truyền thanh cơ sở còn cần khắc phục một số hạn chế để bảo đảm thông tin thường xuyên, liên tục.

Thời gian tới cần xác định trọng tâm tuyên truyền vào các kỹ năng thiết yếu, đồng thời tăng cường sản phẩm truyền thông trực quan như infographic, hình ảnh, video.

2. Ý thức trong thực hiện

Bên cạnh đó, một bộ phận người dân mặc dù đã được tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ cài đặt các ứng dụng số nhưng chưa hình thành thói quen sử dụng thường xuyên trong thực tế, vẫn còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của cán bộ, công chức và Tổ Công nghệ số cộng đồng. Nhiều trường hợp vẫn ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức truyền thống, trực tiếp đến cơ quan nhà nước thay vì sử dụng dịch vụ công trực tuyến; việc thanh toán không dùng tiền mặt, khai thác thông tin trên các nền tảng số hoặc sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID trong một số giao dịch còn chưa phổ biến. Điều này cho thấy quá trình chuyển đổi từ nhận thức sang hành động thực tế của một bộ phận người dân còn chậm, dẫn đến hiệu quả khai thác các nền tảng số chưa đạt như kỳ vọng. Đặc biệt, đối với người cao tuổi, việc chưa có tài khoản ngân hàng, chưa quen thanh toán điện tử hoặc gặp khó khăn khi xác thực, thay đổi thiết bị làm cho quá trình sử dụng dịch vụ số chưa liên tục. Đây là nguyên nhân cần được quan tâm trong tổ chức hỗ trợ, hướng dẫn tại cơ sở.

3. Những tồn tại, điểm nghẽn và trách nhiệm của các bên liên quan

Một số trang thiết bị công nghệ thông tin như máy tính, máy in, máy quét đã được trang bị từ nhiều năm trước, cấu hình thấp, tốc độ xử lý chậm, thường xuyên phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng, chưa đáp ứng yêu cầu xử lý khối lượng công việc ngày càng tăng trên môi trường số.

Nguồn kinh phí đầu tư cho chuyển đổi số của địa phương còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước nên chưa có điều kiện đầu tư đồng bộ các thiết bị, phần mềm và giải pháp công nghệ hiện đại. Việc nâng cấp còn gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc duy trì, bảo trì và thay thế thiết bị định kỳ chưa được thực hiện thường xuyên do hạn chế về nguồn lực tài chính.

Nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số hiện nay chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu cả về số lượng và chất lượng. Một vài đơn vị, cơ quan chuyên môn chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin hoặc chuyển đổi số; các nhiệm vụ liên quan chủ yếu do cán bộ, công chức kiêm nhiệm thực hiện. Trong khi đó, khối lượng công việc chuyên môn ngày càng lớn, yêu cầu về kỹ thuật ngày càng cao nên việc bố trí thời gian nghiên cứu, cập nhật kiến thức và triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số còn gặp nhiều khó khăn.

Phát triển kinh tế số trên địa bàn xã bước đầu được quan tâm, tập trung tuyên truyền, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ số, quảng bá, kết nối thị trường và truy xuất

nguồn gốc mới ở giai đoạn bước đầu. Xã đã đề xuất sản phẩm “Cá đù một nắng” tham gia Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa tỉnh Cà Mau giai đoạn 2026-2030; đồng thời triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ gắn với sản phẩm thế mạnh như sò huyết, cua, tôm. Tuy nhiên, việc hình thành chuỗi giá trị số hoàn chỉnh từ sản xuất, quản lý, truy xuất, quảng bá đến tiêu thụ cần thêm thời gian, nguồn lực và sự tham gia chủ động của các chủ thể kinh tế.

Việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được duy trì và đạt tỷ lệ cao; tuy nhiên, đối với hồ sơ, tài liệu hình thành từ các giai đoạn trước, việc rà soát, phân loại, chỉnh lý, số hóa và chuẩn hóa dữ liệu còn cần nhiều thời gian, nhân lực và kinh phí. Việc kết nối, chia sẻ, khai thác và tái sử dụng dữ liệu giữa các hệ thống vẫn phụ thuộc vào nền tảng dùng chung, khả năng đồng bộ dữ liệu và điều kiện kỹ thuật.

Đối với công tác số hóa hồ sơ đảng viên, tỷ lệ thực hiện còn thấp nguyên nhân do hồ sơ đảng viên được hình thành qua nhiều thời kỳ, một số hồ sơ còn ở dạng giấy nên việc rà soát, phân loại, đối chiếu, cập nhật và số hóa cần nhiều thời gian, nhân lực. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ số hóa, nhất là máy scan, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng và tốc độ xử lý, ảnh hưởng đến tiến độ số hóa hồ sơ, đồng thời phải bảo đảm yêu cầu về an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bí mật theo quy định, nên tiến độ số hóa chưa thể thực hiện đồng bộ trong thời gian ngắn.

4. Những hạn chế, điểm nghẽn

Về khách quan: Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế; một số trang thiết bị đã qua nhiều năm sử dụng; việc kết nối, đồng bộ và chia sẻ dữ liệu còn phụ thuộc vào nền tảng dùng chung, quy định bảo mật chuyên ngành và hướng dẫn của cấp trên; trình độ, điều kiện tiếp cận công nghệ của người dân không đồng đều, cần thời gian để thích nghi.

Về chủ quan: công tác rà soát, thống kê, lượng hóa hiệu quả hoạt động của từng Tổ Công nghệ số cộng đồng và mức độ sử dụng các tiện ích số ở một số địa bàn chưa thật sự thường xuyên; kỹ năng số của một bộ phận người dân chưa ổn định, còn phụ thuộc vào lực lượng hỗ trợ; việc ứng dụng số trong sản xuất, kinh doanh và thanh toán không dùng tiền mặt mới ở giai đoạn đầu. Đồng thời, cần tiếp tục rà soát, đánh giá thực chất hoạt động của từng Tổ Công nghệ số cộng đồng, xác định rõ địa bàn, nhiệm vụ, kết quả và trách nhiệm của thành viên, hạn chế hoạt động mang tính hình thức.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng nội dung, mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đến toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận và quyết tâm chính trị trong quá trình tổ chức

thực hiện. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, thực hiện nghiêm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và cá nhân. . Tăng cường truyền thông trực quan bằng infographic, hình ảnh, video; rà soát hiệu quả tiếp cận của từng hình thức, ưu tiên nội dung thiết thực, dễ thực hành. Đồng thời rà soát, khắc phục hạn chế của hệ thống truyền thanh cơ sở, bảo đảm tuyên truyền được duy trì thường xuyên, liên tục.

2. Tiếp tục hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, tỷ lệ thanh toán trực tuyến và tỷ lệ sử dụng kết quả điện tử. Đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số, văn bản điện tử trong hoạt động quản lý nhà nước; nâng cao hiệu quả sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung, bảo đảm xử lý công việc nhanh chóng, minh bạch và hiệu quả.

3. Tiếp tục rà soát hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin, nâng cấp phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Ưu tiên bổ sung máy tính, máy quét, thiết bị lưu trữ dữ liệu, đường truyền internet và các thiết bị phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Đồng thời, tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên để khai thác hiệu quả các nền tảng số dùng chung, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

4. Tập trung xử lý các điểm nghẽn về dữ liệu và số hóa hồ sơ, nhất là hồ sơ, tài liệu hình thành trước đây. Thực hiện rà soát, phân loại, chỉnh lý, số hóa, chuẩn hóa và lưu trữ dữ liệu theo thứ tự ưu tiên; trước mắt tập trung vào những nhóm dữ liệu có tần suất khai thác cao, phục vụ trực tiếp công tác quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Từng bước hình thành nguồn dữ liệu có chất lượng, có khả năng khai thác, chia sẻ và tái sử dụng. Phân công cán bộ đẩy nhanh tiến độ số hóa; rà soát, sửa chữa hoặc bổ sung máy scan và trang thiết bị phục vụ số hóa hồ sơ đảng viên, phấn đấu nâng dần tỷ lệ hồ sơ đảng viên được số hóa, gắn với nâng cao chất lượng dữ liệu phục vụ công tác tổ chức xây dựng Đảng và quản lý đảng viên; thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn, an ninh thông tin và bảo mật hồ sơ trong quá trình số hóa, quản lý, khai thác dữ liệu.

5. Tạo điều kiện để cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin, an toàn thông tin mạng và khai thác dữ liệu số. Khuyến khích tinh thần tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn. Đồng thời, từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ có kiến thức và kỹ năng số đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong giai đoạn mới. Nội dung bồi dưỡng cần được phân theo nhóm đối tượng, gồm lãnh đạo, quản lý; cán bộ, công chức; cán bộ không chuyên trách ở ấp; đoàn viên, hội viên; hộ kinh doanh và Nhân dân, trong đó chú trọng kỹ năng ứng

dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) phục vụ quản lý, điều hành, sản xuất, kinh doanh và đời sống.

6. Tiếp tục củng cố, duy trì nâng cao chất lượng hoạt động của 12 Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn; cần thiết có thể thành lập thêm các Tổ công nghệ số ở các đơn vị: Trường học, Trạm y tế, cơ quan, đơn vị... nhằm phát huy vai trò nòng cốt trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện tiếp cận và sử dụng các nền tảng số. Đẩy mạnh triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” theo hướng thiết thực, hiệu quả. Tập trung hỗ trợ các tiểu thương ở Chợ để nắm, biết và hướng đến không dùng tiền mặt trong mua bán, trao đổi hàng hóa; Phân đầu từng bước phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân, góp phần xây dựng xã hội số toàn diện. Trong tháng 10/2026, nghiên cứu lựa chọn Chợ Phú Tân làm địa bàn triển khai mô hình “Chợ số” theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; hỗ trợ tiểu thương tạo và sử dụng mã QR, thanh toán không dùng tiền mặt, quảng bá sản phẩm và tiếp cận các tiện ích số. Đồng thời, nghiên cứu tổ chức ra quân triển khai mô hình chuyển đổi số tại một số ấp, lựa chọn địa bàn làm điểm, đánh giá kết quả trước khi nhân rộng.

7. Tập trung hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 04-KH/BCĐ ngày 24/7/2026 về triển khai thực hiện Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng và sản phẩm đầu ra. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong các lĩnh vực nông nghiệp, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và quản lý nhà nước; góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng dịch vụ và hiệu quả quản trị địa phương. Tiếp tục triển khai, hoàn thiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản

8. Đẩy mạnh phát triển kinh tế số gắn với lợi thế và các sản phẩm chủ lực trên địa bàn xã; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và người dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, quản lý, quảng bá, kết nối thị trường và tiêu thụ sản phẩm. Từng bước đưa các sản phẩm đặc trưng của xã tiếp cận thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và các nền tảng số phù hợp, qua đó nâng cao giá trị, khả năng cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ; từng bước hình thành các mô hình ứng dụng số gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của xã. Đồng thời, rà soát, thống kê số lượng hộ kinh doanh, cơ sở buôn bán sử dụng mã QR và phương thức thanh toán điện tử để theo dõi mức độ chuyển đổi; hỗ trợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm đặc trưng, xây dựng kênh bán hàng và từng bước đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử phù hợp.

9. Tăng cường bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân Chủ động phòng ngừa nguy cơ lộ lọt dữ liệu, mã độc, lừa đảo trực tuyến; nâng cao ý thức của cán bộ, công chức và người dân trong sử dụng Internet, mạng xã hội, VNeID và các công cụ trí tuệ nhân tạo.

10. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện Kế hoạch 100 ngày xử lý các điểm nghẽn về chuyển đổi số và các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời phát hiện, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai. Định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá hiệu quả các mô hình, cách làm hay để nhân rộng trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của từng Tổ Công nghệ số cộng đồng gắn với các tiêu chí cụ thể như số lượt hỗ trợ, nhóm đối tượng được hỗ trợ, nội dung hỗ trợ và kết quả người dân có thể tự thực hiện sau hướng dẫn.

Trên đây là báo cáo kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 9 tháng đầu năm của Ban Chỉ đạo về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Phú Tân.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tỉnh ủy (báo cáo);
- Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc CDS của xã;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy;
- Các đảng bộ, chi bộ trực thuộc Đảng ủy;
- Lưu Văn phòng Đảng ủy, TGV.

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
kiêm
PHÓ TRƯỞNG BAN



Lâm Ngọc Sơn